

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HS-ST

Ngày: 12 - 4 - 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạ

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2022/TLST-HS, ngày 26 tháng 01 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HS ngày 25/02/2022 đối với bị cáo:

Phạm Thị C, sinh năm 1959 tại C, Hải Dương; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu dân cư N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P (tên gọi khác: Ph) - đã chết; con bà Nguyễn Thị T - đã chết; có chồng là Lê Văn P; có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2021, đến ngày 25/11/2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Bùi Bá T, sinh năm 1942;

Địa chỉ: N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Chị Bùi Thị T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

** Những người làm chứng:*

1. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1980; vắng mặt.
2. Chị Lê Thị C, sinh năm 1977; vắng mặt.
3. Chị Lê Thị N, sinh năm 1970; vắng mặt.
4. Chị Đặng Thị N, sinh năm 1974; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3/2002, Phạm Thị C thuê nhà số 457 tổ 14, đường N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương của ông Bùi Bá T để ở cùng 03 con nhỏ. Khoảng tháng 8/2002, Phạm Thị C thuê nhà số 457 tổ 14, N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương để ở cùng 03 con nhỏ. Khoảng tháng 8/2002, Phạm Thị C thỏa thuận để cho chị Lê Thị C và Bùi Thị T và một số gái bán dâm khác thuê nhà và bán dâm tại nơi ở của C để thu lợi. C thỏa thuận với các gái bán dâm như sau: Khách đến mua dâm thì C sẽ thu tiền của khách. Mỗi lần khách đến mua dâm, C sẽ thu số tiền từ 50.000đ đến 70.000đ. Sau khi bán dâm với khách xong, C trả lại cho gái bán dâm số tiền 30.000đ, còn lại C giữ.

Khoảng 19 giờ ngày 02/10/2002, Phạm Văn D, Nguyễn Văn N và một người thanh niên tên là Q (không rõ nhân thân, lý lịch) đến gặp C để thỏa thuận mua bán dâm tại nhà C. D là người thỏa thuận và trực tiếp trả cho C số tiền 140.000đ để cho D và N mua dâm. Sau khi nhận tiền, C gọi T và C1 ra bán dâm cho D và N. T và N mua bán dâm tại phòng phía sau cầu thang, C1 và D mua bán dâm tại phòng gác xép phía trên. Đến 19 giờ 40 phút cùng ngày, trong khi 02 đôi nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị tổ công tác Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hải Dương bắt quả tang, thu giữ: 02 bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu OK đã được xé một góc. Khám xét nơi ở của C thu giữ: 23 bao cao su nhãn hiệu OK chưa qua sử dụng, 06 vỏ bao cao su nhãn hiệu OK đã qua sử dụng, 04 ruột bao cao su đã qua sử dụng, số tiền 600.000đ và 01 giấy tạm trú mang tên Lê Thị N.

Trong quá trình cơ quan Công an bắt quả tang, Phạm Thị C đã lợi dụng sơ hở, bỏ trốn khỏi địa phương, đi làm tại nhiều nơi khác nhau. Ngày 20/11/2021, C bị bắt theo lệnh truy nã của Công an tỉnh Hải Dương.

Bản Cáo trạng số 13/CT-VKS-CL ngày 25/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương truy tố Phạm Thị C về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Thị C thành khẩn khai nhận như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh thực hành quyền công tố, trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị C phạm tội “Chứa mại dâm”. Xử phạt bị cáo Phạm Thị C từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 20/11/2021. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Tịch thu, tiêu hủy: 24 bao cao su loại OK chưa qua sử dụng; 01 bao cao su loại OK, đã bị xé vỡ, còn nguyên ruột; 05 vỏ bao cao su loại OK; 04 ruột bao cao su đã sử dụng; 01 giấy tạm trú có thời hạn số 37 mang tên Lê Thị N. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 140.000đ của bị cáo Phạm Thị C. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 02/10/2002, tại N, thị trấn S, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là khu dân cư N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương) do Phạm Thị C thuê để ở, C đã trực tiếp giao dịch, thu số tiền 140.000đ của Phạm Văn D và sắp xếp Lê Thị C bán dâm cho Phạm Văn D, Bùi Thị T bán dâm cho Nguyễn Văn N, tại 02 phòng ngủ của nhà C thuê thì bị lực lượng Công an tỉnh Hải Dương bắt quả tang. Lợi dụng sơ hở Phạm Thị C bỏ trốn. Đến ngày 20/11/2021 C bị bắt theo lệnh truy nã.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh, làm ảnh hưởng đến đạo đức xã hội và thuần phong mỹ tục, gây ảnh hưởng xấu trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của bị cáo còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác, làm lây truyền nhiều bệnh xã hội nguy hiểm. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích tư lợi. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự 1999. Tại thời điểm truy tố và xét xử, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh áp dụng khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi 2017) truy tố đối với bị cáo là phù hợp với nguyên tắc có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải có hình phạt

ng nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự bị cáo có thể chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo là người cao tuổi, nghề nghiệp không ổn định, không có tài sản, do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ: 24 bao cao su nhãn hiệu OK chưa qua sử dụng, 06 vỏ bao cao su nhãn hiệu OK đã qua sử dụng, 07 bao cao su đã qua sử dụng, số tiền 600.000đ và 01 giấy tạm trú mang tên Lê Thị N. Quá trình quản lý vật chứng, do thời gian đã lâu nên hiện tại chỉ còn bảo quản, lưu giữ được: 24 bao cao su loại OK còn nguyên; 01 bao cao su loại OK, đã xé vỏ, còn nguyên ruột; 05 vỏ bao cao su loại OK; 04 ruột bao cao su đã sử dụng; 01 giấy tạm trú có thời hạn số 37 mang tên Lê Thị N. Bao cao su, vỏ bao cao su và giấy tạm trú mang tên Lê Thị N, hiện tại không còn giá trị, do vậy, cần tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với số tiền 600.000đ của Trần Thị T, đây là số tiền hợp pháp của chị T, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị T là phù hợp, do vậy, không đặt ra việc giải quyết đối với số tiền này. Đối với số tiền 140.000đ bị cáo C thu từ D, đây là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội, do vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

[8] Đối với ông Bùi Bá T là người cho Phạm Thị C thuê nhà, ông Tuấn không biết việc C sử dụng nhà để thực hiện hành vi chứa mại dâm nên không đặt ra việc xem xét xử lý.

[9] Đối với hành vi mua, bán dâm của Phạm Văn D, Lê Thị C, Bùi Thị T, Công an tỉnh Hải Dương đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[10] Đối với Nguyễn Văn N, sau khi làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương đã lợi dụng sơ hở bỏ trốn, không xác định được nhân thân, lý lịch nên không có căn cứ xử lý là phù hợp.

[11] Đối với bà Vũ Thị N, bà Nguyễn Thị H, anh Lương Văn T, anh Nguyễn Văn M là những người gái bán dâm khai có gọi gái bán dâm đến để mua bán dâm tại địa điểm do những người này quản lý. Quá trình điều tra không có đủ căn cứ để xác

định những người này có hành vi trên và hiện tại đã hết thời hiệu để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự, do vậy, không đặt ra việc xử lý.

[12] Về án phí: Bị cáo Phạm Thị C là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị C phạm tội “Chứa mại dâm”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị C 22 (*Hai mươi hai*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 20/11/2021.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

- Tịch thu, tiêu hủy: 24 bao cao su loại OK chưa qua sử dụng; 01 bao cao su loại OK, đã bị xé vỏ, còn nguyên ruột; 05 vỏ bao cao su loại OK; 04 ruột bao cao su đã sử dụng; 01 giấy tạm trú có thời hạn số 37 mang tên Lê Thị N.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/4/2022 giữa Công an thành phố Chí Linh và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh)

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 140.000đ của bị cáo Phạm Thị C.

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Thị C.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thành phố Chí Linh;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an thành phố Chí Linh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Kim Giang